TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C L
TỈNH K H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2023
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C L – TỈNH K H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vi
- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Nhất Luân
  2/ Ông Phạm Hồng Thịnh
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C L
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C L tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hùng – Kiểm sát viên

Ngày 31/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C L, tỉnh K H xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 23/3/2023 về "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 22/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Thảo L – Sinh năm: 1983; Địa chỉ: Tổ dân phố Bãi Giếng Trung, thị trấn Cam Đức, huyện C L, tỉnh K H. (Có đơn xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Hoàng Minh S – Sinh năm: 1977; Địa chỉ: Tổ dân phố Bãi Giếng Trung, thị trấn Cam Đức, huyện C L, tỉnh K H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị Thảo L trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Bà L và ông S tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc cấp giấy chứng nhận kết hôn số 102, quyển số 01/2003, ngày 23/10/2003.

Trong thời gian chung sống giữa bà L và ông S phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Ông S có tính gia trưởng, vũ phu, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay, bà L và ông S đang sống ly thân với nhau, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay bà L nhận thấy không còn tình cảm với ông S nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà L và ông S có 02 con chung là cháu Hoàng Tuấn Kiệt – sinh năm 2004 và Hoàng Thị Thanh Kiều – sinh ngày 12/4/2008. Cháu Kiệt đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Kiều, bà L yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà L không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Hoàng Minh S đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Theo biên bản xác minh ngày 22/6/2023 tại Công an thị trấn Cam Đức, ông Hoàng Minh S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Bãi Giếng Trung, thị trấn Cam Đức, huyện C L. Ông S hiện nay đang có mặt tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C L, tỉnh K H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Hoàng Thị Thảo L được ly hôn với ông Hoàng Minh S; về con chung: giao con chung là cháu Hoàng Thị Thanh Kiều – sinh ngày 12/4/2008 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: bà L không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; về án phí: bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa bà Hoàng Thị Thảo L và ông Hoàng Minh S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C L theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 30/3/2023, nguyên đơn bà Hoàng Thị Thảo L có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Hoàng Minh S có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Bãi Giếng Trung, thị trấn Cam Đức, huyện C L, tỉnh K H. Ông S cố tình trốn tránh không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông S, ông S trực tiếp ký nhận nhưng vẫn không đến Tòa để tham gia giải quyết vụ án. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ.

[2] Về yêu cầu ly hôn: Bà Hoàng Thị Thảo L và ông Hoàng Minh S tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc cấp giấy chứng nhận kết hôn số 102, quyển số 01/2003, ngày 23/10/2003; đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà L và ông S phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên

không thực sự hiểu, thông cảm và chia sẻ cho nhau. Bà L và ông S hiện nay đang sống ly thân với nhau, không ai quan tâm đến ai. Mặt khác, ông S biết việc bà L nộp đơn đến tòa để yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông vẫn không đến tòa để trình bày ý kiến, điều đó cho thấy ông S không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông S không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hoàng Thị Thảo L được ly hôn với ông Hoàng Minh S.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà L và ông S có 02 con chung là Hoàng Tuấn Kiệt – sinh năm 2004 và Hoàng Thị Thanh Kiều – sinh ngày 12/4/2008. Do cháu Kiệt đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Kiều, quá trình giải quyết vụ án, bà L yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kiều. Bà L không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Ông Hoàng Minh S không đến Tòa làm việc nên không thể hiện ý kiến đồng ý hay phản đối trước yêu cầu của bà L. Mặt khác, cháu Kiều cũng có nguyện vọng được sống với bà L. Vì vây, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của bà L là có căn cứ hợp lý, phù hợp với thực tế, nguyện vọng của cháu Kiều, quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, ông S vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Bà Hoàng Thị Thảo L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Thảo L được ly hôn với ông Hoàng Minh S.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung là cháu Hoàng Thị Thanh Kiều – sinh ngày 12/4/2008 cho bà Hoàng Thị Thảo L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

Bà Hoàng Thị Thảo L không yêu cầu ông Hoàng Minh S cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung: Không xem xét về phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nếu sau này các đương sự trong vụ án có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị Thảo L phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0009567 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C L. Bà L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh K H;
- VKSND huyện C L;
- Chi cục THADS huyện C L;
- UBND xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc (Giấy CNKH số 102, quyển số 01/2003, ngày 23/10/2003);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Vi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**